

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày: 10-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Trọng Khôi.

2/ Bà Nguyễn Thị Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Diệu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 380/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Tạ Công Q, sinh năm 1973. Có mặt

Địa chỉ: ấp Y, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: 1. Anh Trần Văn L1, sinh năm 1976. Vắng mặt

2. Chị Huỳnh Thị L2, sinh năm 1976. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp V, xã X, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Tạ Công Q trình bày: Giữa anh và anh Trần Văn L1, chị Huỳnh Thị L2 là chỗ quen biết làm ăn với nhau nên anh có bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho anh L1, chị L2 rất nhiều lần, trong thời gian dài,

lúc nào có tiền thì anh L1, chị L2 trả, không có tiền anh cho thiếu lại. Đến khi anh L1, chị L2 thiếu tổng số tiền vốn là 74.777.000đ (*Bảy mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) và hẹn nhiều lần nhưng vẫn không trả thì anh ngừng bán cho anh L1, chị L2. Anh nhiều lần đến nhà gặp và yêu cầu anh L1, chị L2 trả tiền nhưng anh L1, chị L2 vẫn không trả nên anh gửi đơn đến Ban nhân dân ấp V, xã X để giải quyết. Tại buổi hòa giải, anh L1, chị L2 thừa nhận số tiền nợ là 74.777.000đ và cam kết sẽ trả số tiền: 30.000.000đ (từ ngày 22/10/2020 đến ngày 05/12/2020), số tiền còn lại sẽ trả đến tháng Giêng năm 2021 là xong, nếu không trả đúng cam kết sẽ chịu lãi suất theo quy định của pháp luật. Anh thống nhất cho anh L1, chị L2 trả nợ theo cam kết. Đến ngày 08/12/2020 anh L1, chị L2 trả được 20.000.000đ (trả đợt 1 theo cam kết), còn lại 10.000.000đ sẽ trả vào ngày 28/12/2020. Nhưng đến hẹn anh L1, chị L2 vẫn không trả, hiện còn nợ anh số tiền 54.777.000đ. Anh khởi kiện yêu cầu anh L1, chị L2 trả số tiền vốn còn nợ là 54.777.000đ (*Năm mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định nhà nước là 1.66%/tháng (tính từ ngày 08/12/2020 cho đến ngày 08/11/2023) là 35 tháng tạm tính số tiền lãi là làm tròn 31.825.000đ (*Ba mươi một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Tổng cộng số tiền: 86.602.000đ (*Tám mươi sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng*) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất 1.66%/tháng cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập họp lệ bị đơn là anh Trần Văn L1, chị Huỳnh Thị L2 nhiều lần đến Tòa án để tham gia hòa giải nhưng anh L1, chị L2 vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Tạ Công Q trình bày: Thời gian từ tháng 9/2018 đến tháng 2/2019 anh L1, chị L2 mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của anh còn nợ số tiền 74.777.000đ. Anh nhiều lần đến gặp yêu cầu anh L1, chị L2 trả tiền nhưng anh L1, chị L2 không trả nên anh có yêu cầu Ban nhân dân ấp V hòa giải. Sau khi hòa giải anh L1, chị L2 trả được 20.000.000đ thì ngưng cho đến nay. Anh giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn còn nợ là 54.777.000đ (*Năm mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*), yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật do bị đơn đã đồng ý thỏa thuận tại Biên bản hòa giải của Ban nhân dân ấp V ngày 22/10/2020, tính lãi suất bằng 1,66%/năm tính từ ngày 08/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/5/2024) số tiền lãi làm tròn 37.488.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn L1, chị Huỳnh Thị L2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L1, chị L2 phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tạ Công Q, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, bị đơn anh Trần Văn L1, chị Huỳnh Thị L2 có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của anh Tạ Công Q còn nợ lại số tiền 74.777.000đ. Anh L1, chị L2 hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả nên anh Q gửi đơn yêu cầu Ban nhân dân ấp V hòa giải. Tại cuộc hòa giải ngày 22/10/2020 anh L1, chị L2 thừa nhận có nợ tiền của anh Q và cam kết trả 30.000.000đ vào ngày 05/12/2020. Số còn lại trả vào tháng Giêng năm 2021. Đến ngày 08/12/2020 anh L1, chị L2 trả được 20.000.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Công Q yêu cầu anh Trần Văn L1, chị Huỳnh Thị L2 trả số tiền còn nợ gốc 54.777.000đ (*Năm mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng mua bán, sau khi chốt sổ bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 74.777.000đ, bị đơn có cam kết đến ngày 05/12/2020 sẽ trả cho nguyên đơn đợt 1 số tiền 30.000.000đ, số tiền còn lại sẽ trả đến tháng Giêng năm 2021 nhưng đến ngày 08/12/2020 anh L1, chị L2 trả được 20.000.000đ thì ngưng trả cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị đơn anh L1, chị L2 còn nợ tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của nguyên đơn anh Q số tiền 54.777.000đ là có thật. Vì vậy, nguyên đơn anh Q yêu cầu bị đơn anh L1, chị L2 có nghĩa vụ trả số tiền vốn còn nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Về lãi suất: Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Tạ Công Q yêu cầu bị đơn anh Trần Văn L1, chị Huỳnh Thị L2 có nghĩa vụ trả lãi chậm trả đối với số tiền vốn còn nợ là 54.777.000đ, tính mức lãi suất bằng 1,66%/tháng, tính thời gian từ ngày 08/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/5/2024) số tiền làm tròn 37.448.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn anh L1, chị L2 thừa nhận còn nợ tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và cam kết sẽ trả cho nguyên đơn đợt 1 vào ngày 05/12/2020 số tiền 30.000.000đ, số tiền còn lại sẽ trả vào tháng Giêng năm 2021, nếu không trả sẽ trả lãi theo quy định của Nhà nước tại Biên bản hòa giải của Ban nhân dân ấp V ngày 22/10/2020. Như vậy cho thấy,

giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận mức lãi suất khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Do đó, nguyên đơn anh Q yêu cầu bị đơn anh L1, chị L2 trả lãi chậm trả đối với số tiền vốn còn nợ 54.777.000đ, tính lãi theo mức lãi suất bằng 1,66%/tháng, tính từ ngày 08/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/5/2024) số tiền lãi làm tròn 37.488.000đ là có căn cứ chấp nhận phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn anh Tạ Công Q được chấp nhận nên buộc bị đơn anh Trần Văn L1, chị Huỳnh Thị L2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền buộc trả cho anh Q theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể, buộc anh L1, chị L2 nộp số tiền 4.613.250đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tạ Công Q.

1. Buộc bị đơn anh Trần Văn L1, chị Huỳnh Thị L2 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Tạ Công Q số tiền gốc còn nợ 54.777.000đ (*Năm mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) và lãi số tiền 37.488.000đ (*Ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng*), tổng cộng gốc lãi 92.265.000đ (*Chín mươi hai triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/5/2024) nếu bị đơn anh Trần Văn L1, chị Huỳnh Thị L2 chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn anh Trần Văn L1, chị Huỳnh Thị L2 có nghĩa vụ nộp 4.613.250đ (*Bốn triệu sáu trăm mười ba nghìn hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn anh Tạ Công Q số tiền 2.165.000đ (*Hai triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0010853 ngày 13/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ô.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga